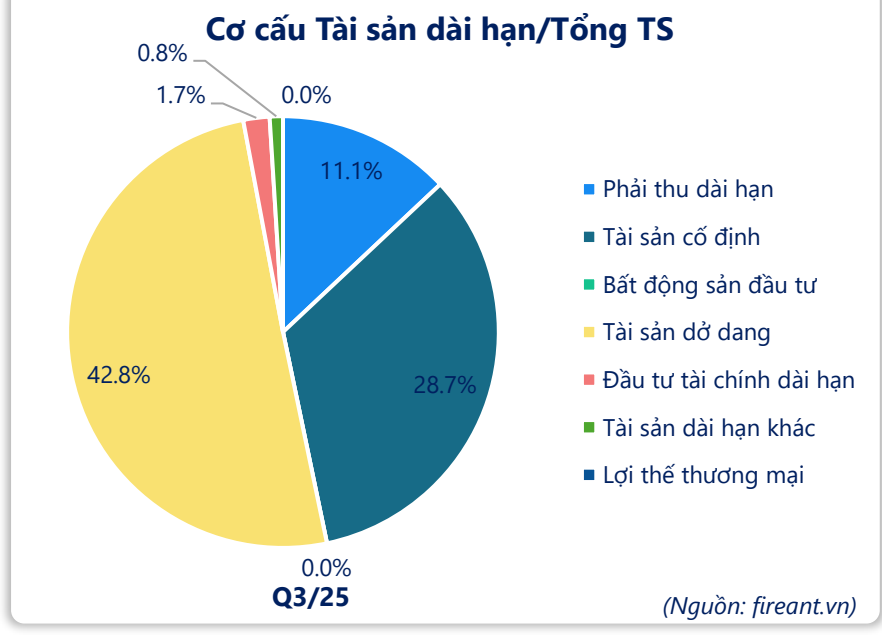
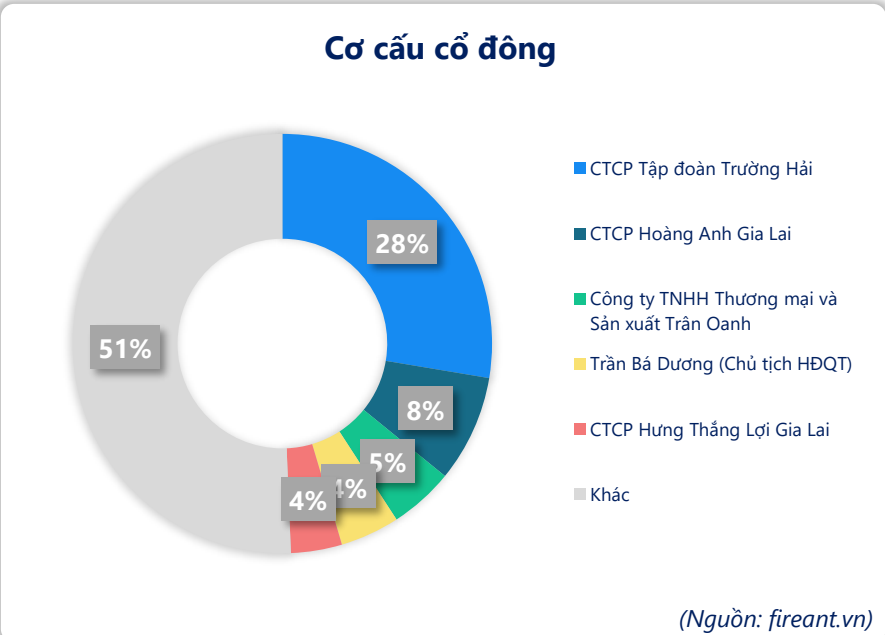
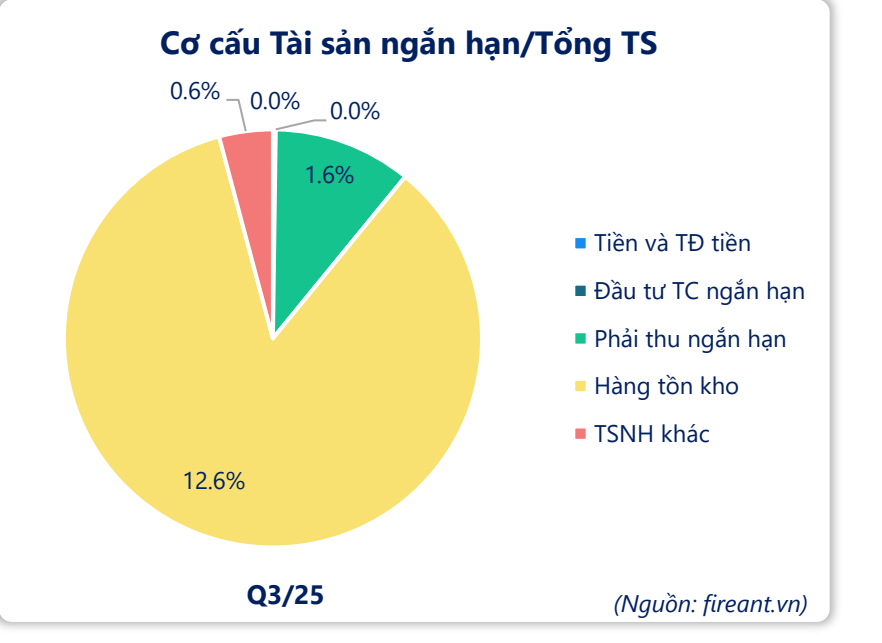
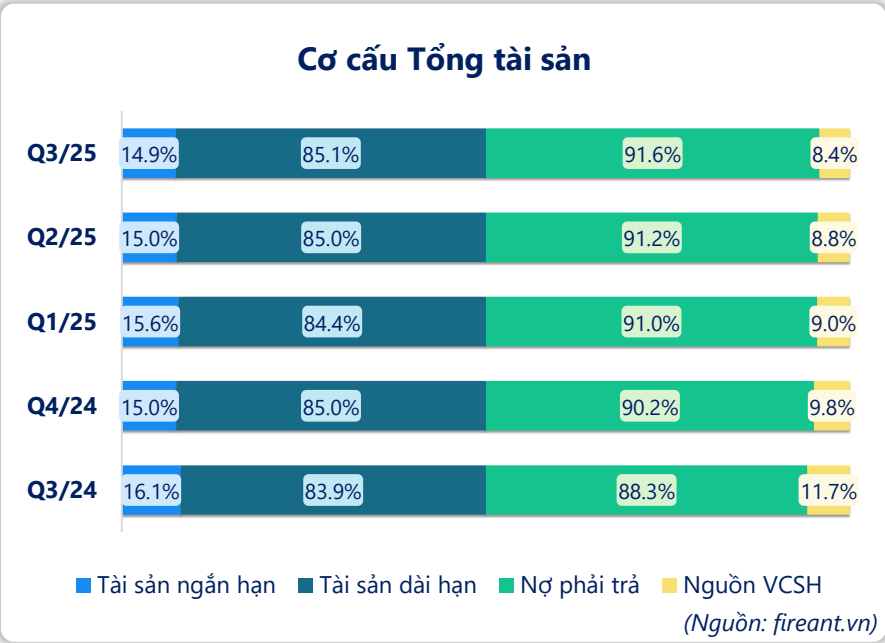
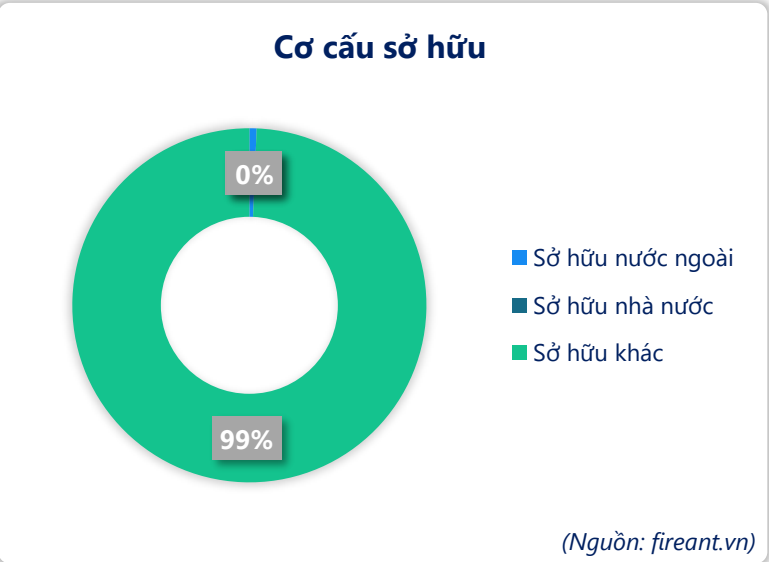
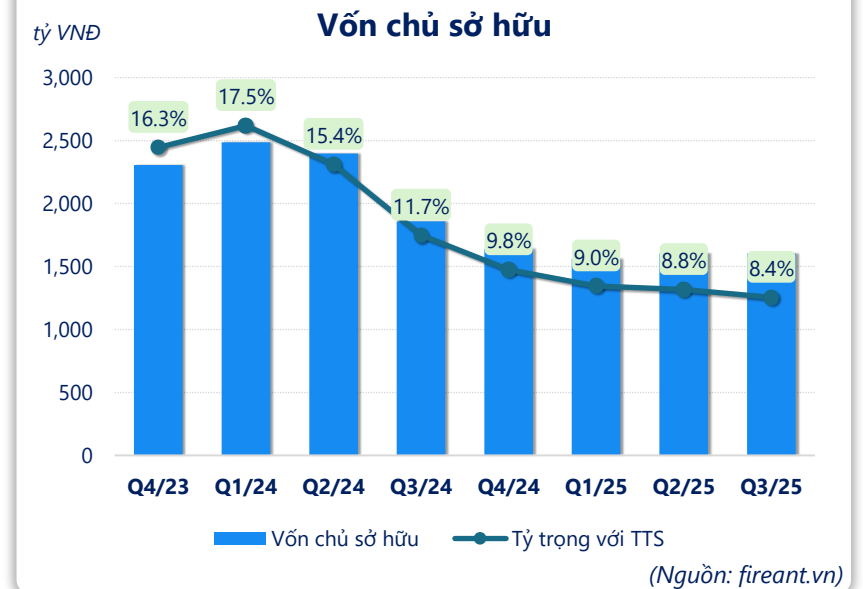
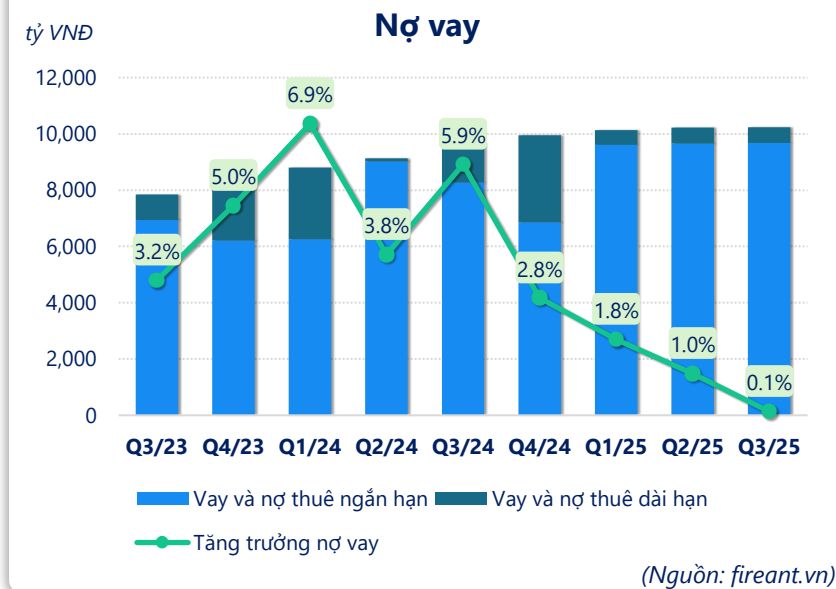
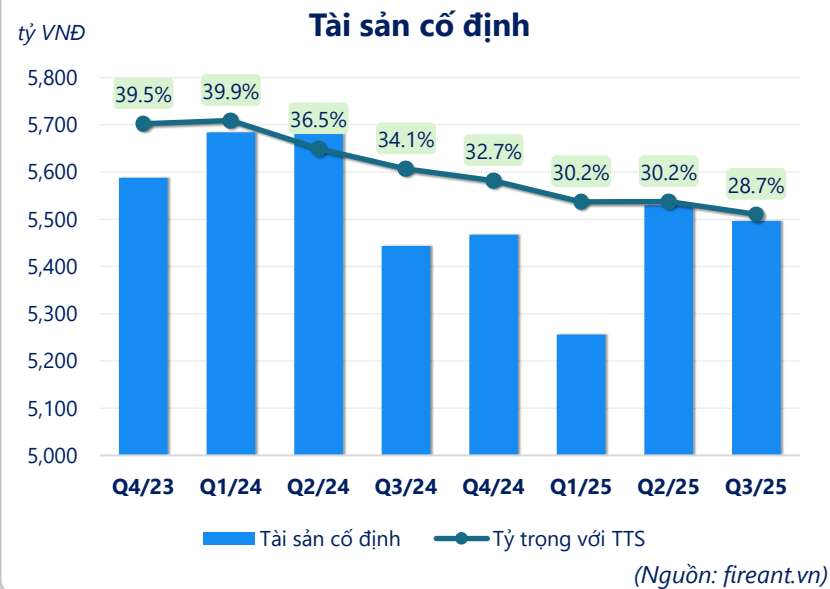
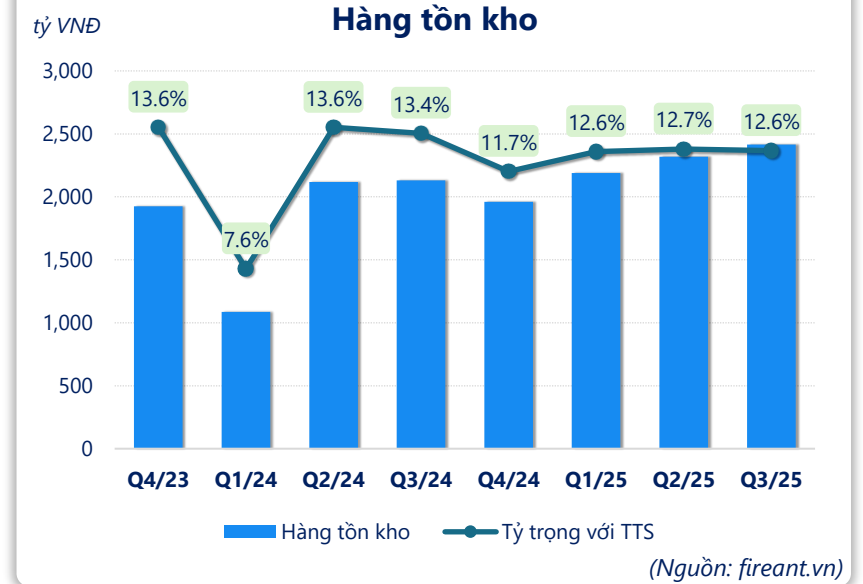
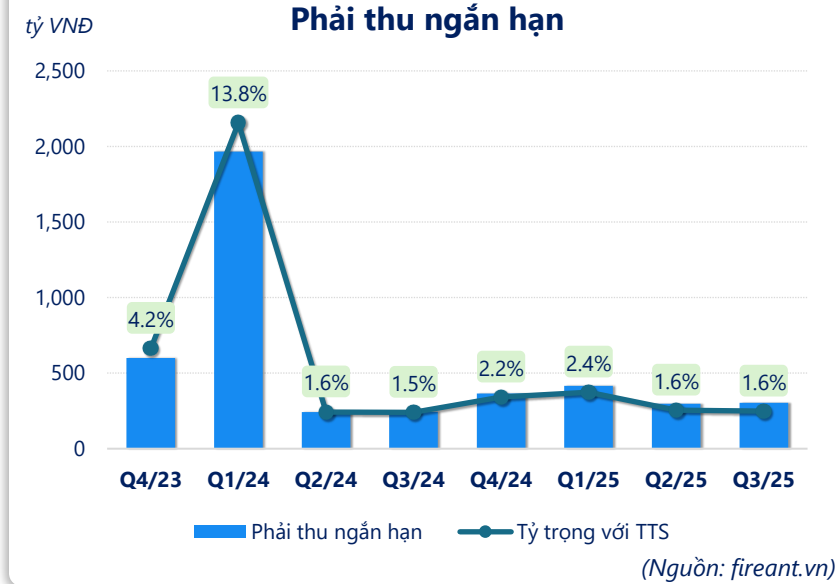
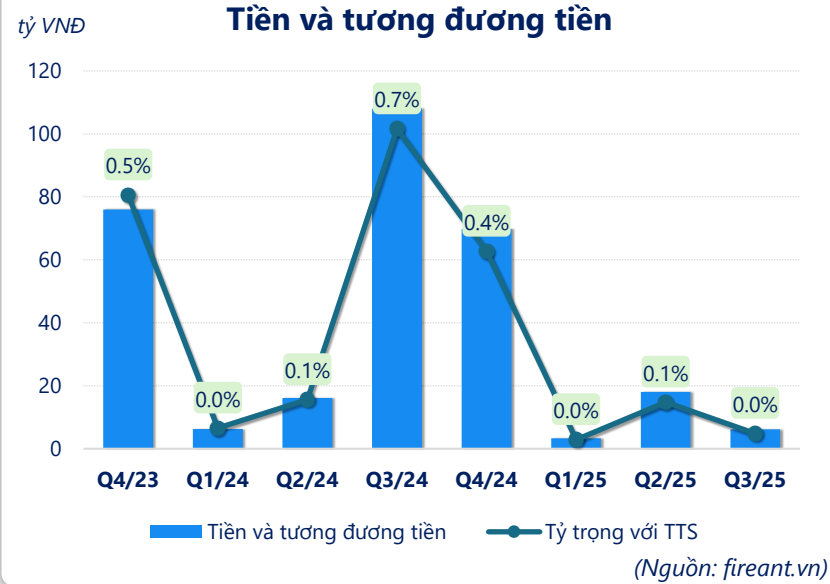
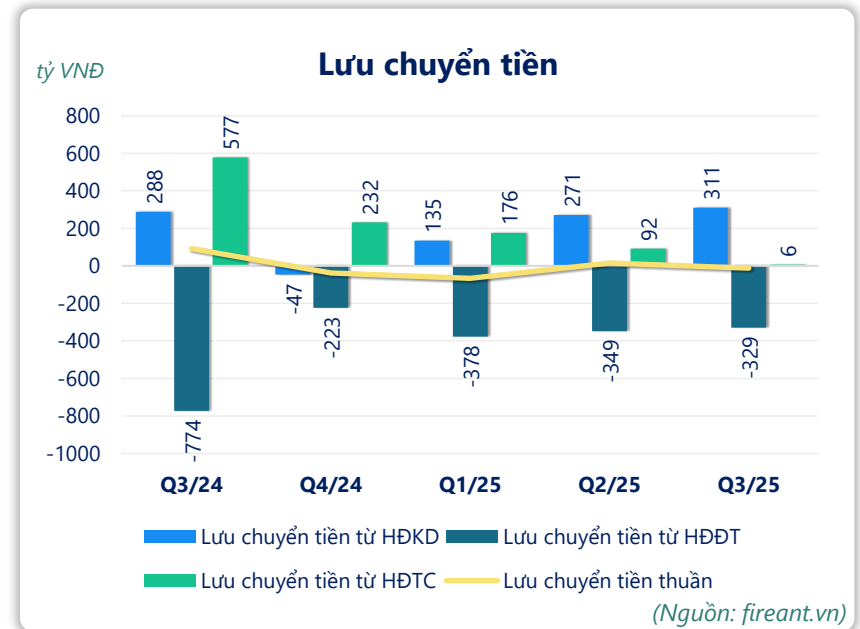
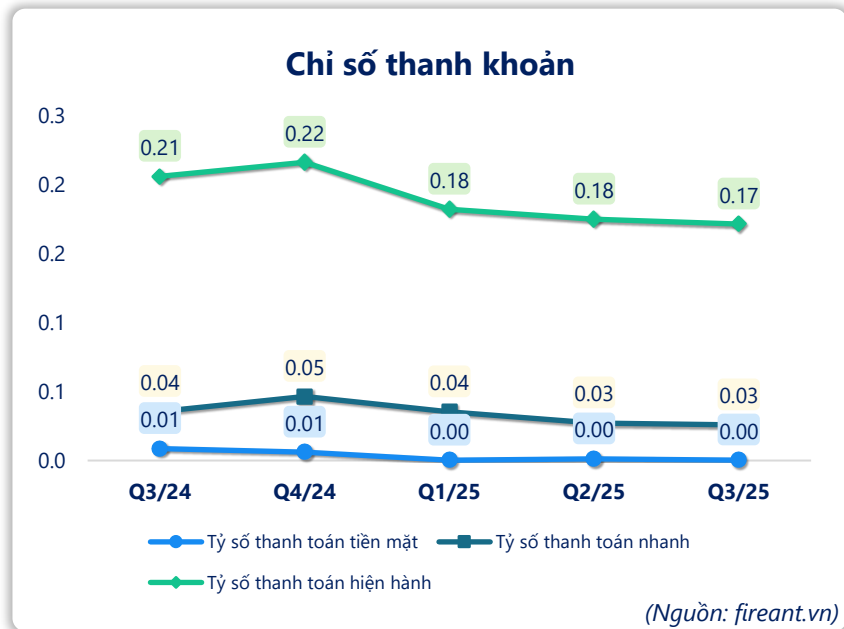
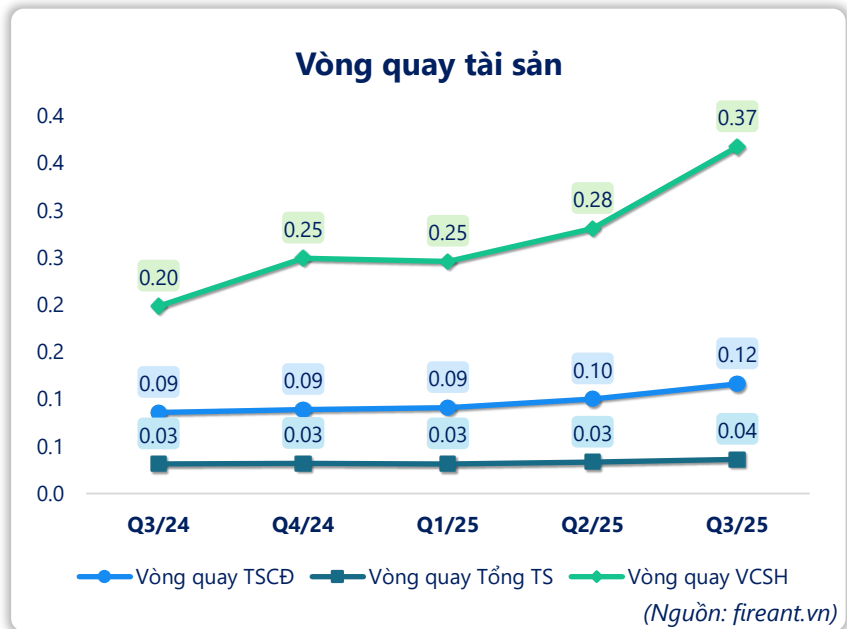
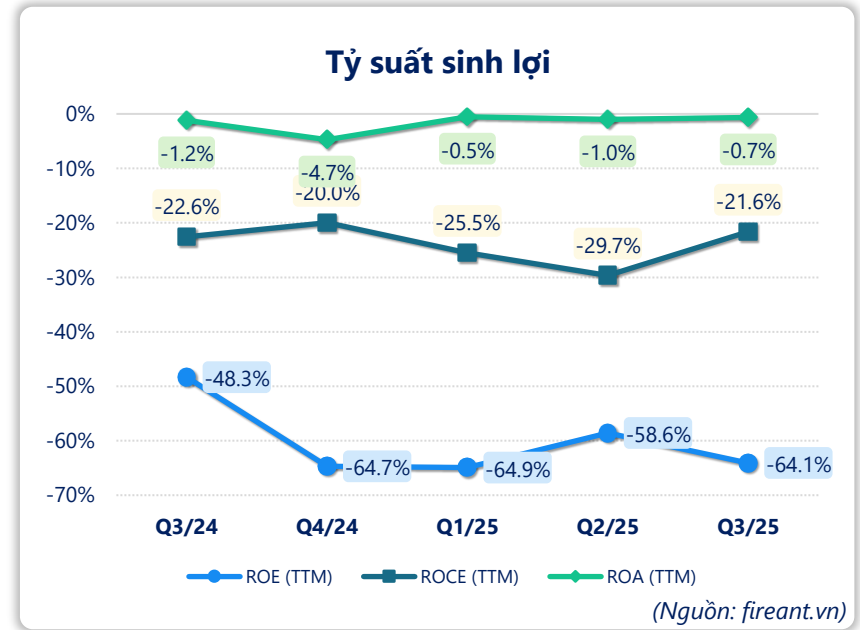
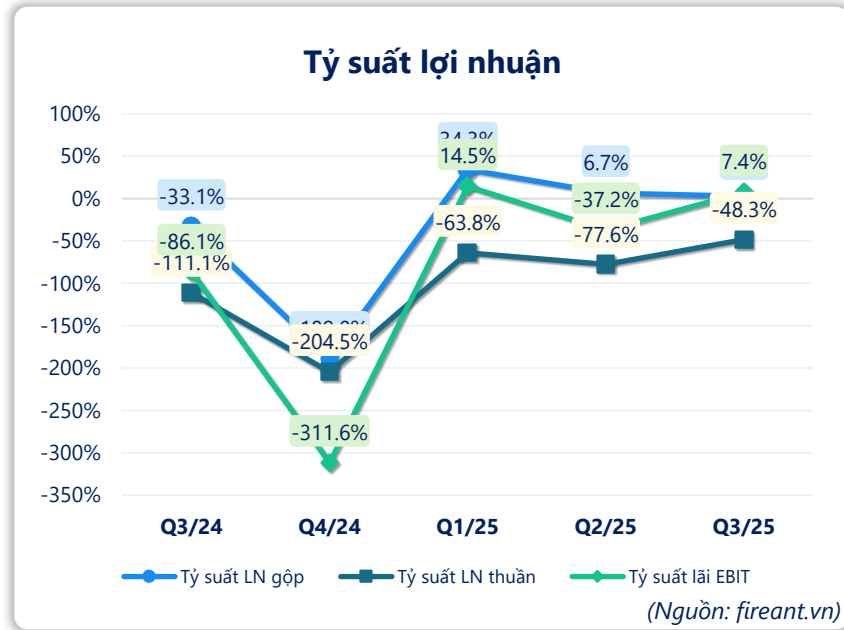
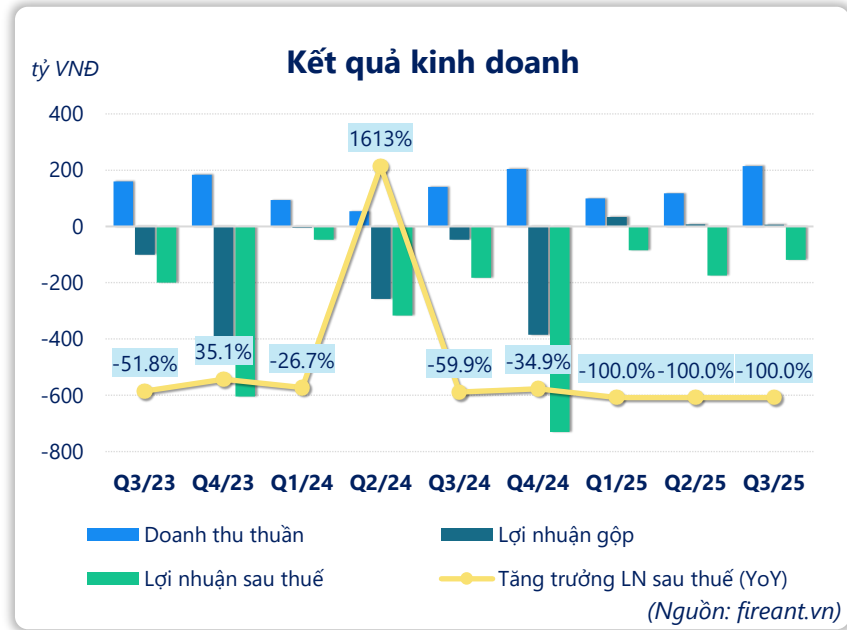


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,400
SL cổ phiếu LH		1,108,553,895
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,712,985
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,651
P/E		-6.0
EPS		-1,000

	YTD	1T	3T	6T
HNG	-14.3%	-6.3%	1.7%	-10.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,136	16,695	14.6%
Tài sản ngắn hạn	2,844	2,474	14.9%
Tiền và tương đương tiền	6.16	69.8	-91.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	304	365	-16.6%
Hàng tồn kho	2,415	1,937	24.7%
Tài sản ngắn hạn khác	118	102	15.3%
Tài sản dài hạn	16,293	14,221	14.6%
Phải thu dài hạn	2,118	2,035	4.1%
Tài sản cố định	5,496	5,349	2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8,197	6,331	29.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	321	338	-5.1%
Tài sản dài hạn khác	161	169	-4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	17,535	15,060	16.4%
Nợ ngắn hạn	16,582	14,304	15.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,673	9,612	0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,946	1,283	51.7%
Nợ dài hạn	953	756	26.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	565	338	67.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,601	1,636	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	1,601	1,636	-2.1%
Vốn điều lệ	11,086	11,086	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	141	204	99.3	117	214
Giá vốn hàng bán	187	589	65.2	110	208
Lợi nhuận gộp	-46.6	-385	34.1	7.85	6.40
Doanh thu HĐTC	4.67	74.1	1.87	43.0	31.3
Chi phí TC	117	97.7	99.1	131	135
Chi phí lãi vay	62.2	96.0	98.7	130	133
LN trong công ty LKLD	10.2	3.28	4.77	-3.47	2.31
Chi phí bán hàng	2.67	4.42	1.55	2.69	5.77
Chi phí QLDN	5.02	7.02	3.47	4.89	3.27
LN thuần từ HĐKD	-156	-417	-63.4	-91.2	-104
Lợi nhuận khác	-26.9	-314	-20.9	-83.0	-13.4
LN trước thuế	-183	-732	-84.3	-174	-117
Lợi nhuận sau thuế	-182	-731	-84.5	-174	-119
LNST của CĐ cty mẹ	-182	-731	-84.5	-174	-119

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	288	-46.6	135	271	311
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-774	-223	-378	-349	-329
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	577	232	176	92.3	6.46
Tiền đầu kỳ	16.1	108	69.8	3.32	18.0
Lưu chuyển tiền thuần	91.8	-38.2	-66.5	14.7	-11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	108	69.8	3.32	18.0	6.16

(Nguồn: fireant.vn)